

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 57/2017/HSST

Ngày 30/11/2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:** Ông Huỳnh Văn Phú

- **Hội thẩm nhân dân:**

+ Ông Lương Đức Hiền

+ Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ái Linh – Cán bộ TAND huyện Đ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Ông Võ Cao Linh
– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 50/2017/HSST ngày 25 tháng 10 năm 2017 đối với:

- **Bị cáo:** Trịnh Hữu D, sinh ngày 25/9/2000, Nơi ĐKKHKT: thôn H, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: (học sinh); con ông Trịnh K(sinh năm 1970) và bà Trương Thị B (sinh năm 1973); gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

** Đại diện hợp pháp của bị cáo Trịnh Hữu D:*

+ Ông Trịnh K, sinh năm 1970 (cha ruột bị cáo D). Có mặt

+ Bà Trương Thị B, sinh năm 1973 (mẹ ruột bị cáo D). Có mặt

(Cùng trú tại thôn H, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam).

** Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Hữu D:* Bà Nguyễn Thị Hồng T –Trợ giúp viên Pháp lý thuộc Chi nhánh Trợ giúp pháp lý Nhà nước số X, tỉnh Quảng Nam.

- **Người bị hại:** Bà Hồ Thị L, sinh năm 1939 (đã chết do tai nạn giao thông)

** Đại diện hợp pháp của người bị hại Hồ Thị L:*

- Bà Huỳnh Thị L1, sinh năm 1958 (con ruột bà Hồ Thị L). Có mặt.

- Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1965 (con ruột bà Hồ Thị L). Có mặt.

Cùng trú tại: thôn P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Đoàn Ngọc X, sinh năm 1988. Có mặt.

2. Chị Lê Thị Hồng M, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Cùng trú tại: thôn P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

3. Ông Trịnh Hữu X, sinh năm 1963. Có mặt.

4. Chị Trịnh Kiều N, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Cùng trú tại: thôn H, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trịnh Hữu D bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 12/7/2017, Trịnh Hữu D (*không có giấy phép lái xe theo quy định*) đến nhà bác ruột là ông Trịnh Hữu X để mượn xe máy đi đám giỗ nhưng không có ai ở nhà nên D tự ý lấy xe mô tô biển kiểm soát số 92E1- 129.26 (*do ông Trịnh Hữu X làm chủ sở hữu*) điều khiển đến nhà ông ngoại tại thôn L, xã Q. Khi đến nhà ông ngoại, D phát hiện mình bỏ quên điện thoại ở nhà nên điều khiển xe chạy từ thôn L về lại nhà (thôn T, xã Q). D điều khiển xe 92E1- 129.26 chạy dọc đường bê tông cạnh UBND xã Q rồi rẽ trái đi vào đường ĐT609. Lúc này D điều khiển xe chạy với tốc độ khoảng 50-60km/h và đi ở phần đường bên trái (*theo hướng thôn L đi thôn T*). Trong lúc điều khiển, D phát hiện phía trước cách xe D khoảng 7m có một xe mô tô cùng chiều biển kiểm soát số 92E1- 368.17 do Đoàn Ngọc X điều khiển chở phía trước là cháu Đoàn Ngọc Gia H (sinh năm 2015, con trai anh X), phía sau là bà Hồ Thị L (là bà ngoại của anh X) đang chuyển hướng đi vào phần đường bên trái để vào UBND xã Q. Do khoảng cách quá gần, D xử lý không kịp nên đã tông vào phía bên trái của xe mô tô BKS 92E1 368.17 làm hai xe ngã bên đường. Hậu quả bà Hồ Thị L bị thương tích nặng đến ngày 13/7/2017 thì chết.

Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 113/GDPY-PC45 ngày 08/8/2017 của phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận: bà Hồ Thị L chết ngày 13/7/2017, trong vụ tai nạn giao thông xảy ra tại đường ĐT 609 thôn L, xã Q do chấn thương sọ não kín, tụ máu dưới màng cứng, dập não, phù não nặng, suy hô hấp, suy tuần hoàn không hồi phục.

* Vật chứng của vụ án thu giữ: 01 Xe mô tô BKS E1 368.17 và 01 xe mô tô BKS 92E1 129.26: Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

* Trịnh Hữu D cùng gia đình thăm viếng, bồi thường cho gia đình bà Hồ Thị L với số tiền 35.000.000 đồng. Gia đình bà L đã có đơn bãi nại và không yêu cầu gì thêm.

* Trịnh Hữu D đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ ra biết ăn năn hối cải.

Tại cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 25/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam đã truy tố Trịnh Hữu D về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Hữu D phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 69, Điều 74, Điều 60 BLHS. Xử phạt bị cáo Trịnh Hữu D từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Hữu D thống nhất quan điểm luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo về tội danh, đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo D lúc phạm tội chưa đủ tuổi thành niên, nhận thức còn hạn chế, bị cáo đã thành khẩn khai báo nhận tội, tỏ ra biết ăn năn hối cải. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có cha tham gia trong Quân đội nhân dân Việt Nam; hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 2

Điều 202; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 69, Điều 74, Điều 60 BLHS, xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát.

* Đại diện theo pháp luật của người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, bị cáo Trịnh Hữu D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản giám định pháp y và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa.

HĐXX có cơ sở xác định được: Khoảng 08 giờ ngày 12/7/2017, Trịnh Hữu D điều khiển xe mô tô biển số 92E1- 129.26 26 chạy trên đường ĐT609, tốc độ khoảng 50-60km/h và đi ở phần đường bên trái (theo hướng thôn L đi thôn T). Đến gần UBND xã Q, D phát hiện phía trước cách xe D khoảng 7m có một xe mô tô cùng chiều biển kiểm soát số 92E1-368.17 do anh Đoàn Ngọc X điều khiển chở phía trước là cháu Đoàn Ngọc Gia H, phía sau là bà Hồ Thị L đang chuyển hướng đi vào phần đường bên trái để vào UBND xã Q. Do khoảng cách quá gần, D xử lý không kịp nên đã tông vào phía bên trái của xe mô tô BKS 92E1 368.17 làm hai xe ngã bên đường. Hậu quả bà Hồ Thị L bị thương tích nặng đến ngày 13/7/2017 thì chết. Nguyên nhân chết theo kết quả giám định pháp y là: “do chấn thương sọ não kín, tụ máu dưới màng cứng, dập não, phù não nặng, suy hô hấp, suy tuần hoàn không hồi phục.

HĐXX xét thấy, nguyên nhân chính vụ tai nạn giao thông là do bị cáo Trịnh Hữu D điều khiển xe mô tô đi tốc độ nhanh và không đúng phần đường quy định. Mặt khác, độ tuổi của bị cáo chỉ được phép điều khiển xe máy dưới 50 cm³ (theo quy định tại khoản 1 Điều 60 Luật Giao thông đường bộ), thế nhưng bị cáo đã tự ý điều khiển xe mô tô 108 cm³ (đương nhiên bị cáo không có giấy phép lái xe), gây ra vụ tai nạn giao thông dẫn đến cái chết của bà Hồ Thị L. Bị cáo đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 58 Luật giao thông đường bộ năm 2008.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trịnh Hữu D phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của người bào chữa về việc đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS, vì trong vụ án này, tuy bị cáo phạm tội lần đầu nhưng hậu quả của bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng. Các nội dung bào chữa khác, HĐXX xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Bị cáo Trịnh Hữu D có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, hiểu biết pháp luật, nhưng do chủ quan, cầu thả, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, coi thường pháp luật, đã có hành vi điều khiển xe mô tô vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại cho tính

mạng của người khác. Lỗi trong vụ án này hoàn toàn thuộc về bị cáo.

Do đó, cần phải xử lý bị cáo một nghiêm minh nhằm để răn đe và ngăn ngừa tội phạm.

Tuy nhiên xét thấy: Tại thời điểm phạm tội, bị cáo là người chưa thành niên (16 tuổi 09 tháng 17 ngày) nên có hạn chế nhất định trong nhận thức và điều khiển hành vi. Bị cáo đã thành khẩn khai báo nhận tội, tỏ ra biết ăn năn hối cải, bị cáo chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo có cha tham gia trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo tích cực cùng với gia đình bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 69, Điều 74 BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, đang học lớp 12 tại trường THPT N (huyện Đ). Do đó, HĐXX áp dụng Điều 60 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

Trong vụ án này Trịnh Hữu D đã có hành vi điều khiển xe mô tô không đội mũ bảo hiểm, Đoàn Ngọc X đã có hành vi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông không có giấy phép lái xe theo quy định chở bà Hồ Thị L ngồi sau không đội mũ bảo hiểm, Cơ quan CSĐT xử lý hành chính là phù hợp.

Ông Trịnh Hữu X và chị Trịnh Kiều N không giao xe mô tô cho bị cáo sử dụng (bị cáo tự ý lấy xe mô tô đi và gây tai nạn) nên cơ quan CSĐT không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh X và chị N là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình đã bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 35.000.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

Vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã trả cho chủ sở hữu 02 chiếc xe mô tô BKS biển số 92E1- 129.26 26 và 92E1- 368.17. Hội đồng xét xử thấy phù hợp nên không đề cập.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí tòa án,

Buộc bị cáo Trịnh Hữu D phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ông Trịnh K và bà Trương Thị B (là những người đại diện hợp pháp của bị cáo) chịu trách nhiệm nộp số tiền án phí nêu trên thay cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Hữu D phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”

Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 202, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 69, Điều 74, Điều 60 BLHS.

Xử phạt bị cáo Trịnh Hữu D 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/11/2017).

Giao bị cáo Trịnh Hữu D cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Trịnh Hữu D phải chịu **200.000** (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ông Trịnh K và bà Trương Thị B chịu trách nhiệm nộp số tiền án phí nêu trên thay cho bị cáo.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo; người bào chữa cho bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Nam
- VKSND H. Đ;
- Công an H. Đ;
- Bị cáo;
- Các đương sự vắng mặt;
- Chi cục THADS H.Đ;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

HUỲNH VĂN PHÚ

